



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG
MEKONGFISHERIES JOINT STOCK COMPANY

- Địa chỉ:	Lô 24 Khu công nghiệp Trà Nóc - Tp. Cần Thơ	
- Điện thoại:	0710.3841560	- Fax: 0710.3841560
- Mã số thuế:	1800448811	

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý 2 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24 KCN Trà Nóc, P.Trà Nóc, Q.Bình Thủy - Tp. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2014*Bảng cân đối kế toán***Mẫu số : B 01-DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và bổ sung TT số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014**Đơn vị tính : VNĐ*

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
A.TÀI SẢN NGẮN HẠN: (100=110+120+130+140+150)	100		231.079.739.707	235.018.658.799
I. Tiền và các khoản tương đương tiền:	110		60.627.147.107	54.686.997.644
1.Tiền	111	V.1	16.627.147.107	27.686.997.644
2.Các khoản tương đương tiền	112	V.1	44.000.000.000	27.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:	120	V.2	8.178.234.036	7.113.876.800
1.Đầu tư ngắn hạn	121		9.135.226.000	9.135.226.000
2.Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(956.991.964)	(2.021.349.200)
III.Các khoản phải thu	130		65.986.786.356	64.945.718.533
1.Phải thu khách hàng	131		48.860.831.861	45.852.522.554
2.Trả trước cho người bán	132		48.683.998	10.534.128
3.Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.Các khoản phải thu khác	135	V.3	17.077.270.497	19.082.661.851
6.Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		-	-
IV.Hàng tồn kho	140		81.049.330.201	93.331.610.053
1.Hàng tồn kho	141	V.4	81.049.330.201	93.331.610.053
2.Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.Tài sản ngắn hạn khác	150		15.238.242.007	14.940.455.769
1.Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.5	2.857.408.007	2.414.134.996
3.Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.5	-	12.918.773
4.Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5.Tài sản ngắn hạn khác	158	V.3	12.380.834.000	12.513.402.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24 KCN Trà Nóc, P.Trà Nóc, Q.Bình Thủy - Tp. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2014*Bảng cân đối kế toán***Mẫu số : B 01-DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và bổ sung TT số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng BTC)

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
B.TÀI SẢN DÀI HẠN: (200=210+220+240+250+260)	200		64.068.561.825	67.052.848.245
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.6	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.7	-	-
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		48.577.491.727	52.262.083.290
1. TSCĐ hữu hình	221	V.8	23.834.270.710	26.176.977.948
- Nguyên giá	222		78.558.819.666	78.759.430.155
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(54.724.548.956)	(52.582.452.207)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	V.9	-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	V.10	24.743.221.017	25.061.101.749
- Nguyên giá	228		27.837.973.495	27.837.973.495
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(3.094.752.478)	(2.776.871.746)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	-	1.024.003.593
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	13.188.386.500	10.710.983.526
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		10.688.386.500	10.688.386.500
3. Đầu tư dài hạn khác	258		2.500.000.000	2.500.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	259		-	(2.477.402.974)
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.302.683.598	4.079.781.429
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	2.092.201.104	2.627.559.840
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.23	210.482.494	1.452.221.589
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		295.148.301.532	302.071.507.044

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24 KCN Trà Nóc, P.Trà Nóc, Q.Bình Thủy - Tp. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2014*Bảng cân đối kế toán***Mẫu số : B 01-DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và bổ sung TT số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng BTC)

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320)	300		39.729.809.521	43.782.193.622
I. Nợ ngắn hạn	310		36.542.462.686	40.688.908.551
1.Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	-	14.293.370.000
2.Phải trả người bán	312		19.356.644.999	4.676.918.368
3.Người mua trả tiền trước	313		962.758.313	2.911.804.309
4.Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.16	1.854.040.616	2.381.258.182
5.Phải trả người lao động	315		10.143.859.463	7.006.504.066
6.Chi phí phải trả	316	V.17	956.738.610	5.822.782.685
7.Phải trả nội bộ	317		-	-
8.Phải trả theo tiến độ kế hoạch h.đồng xây dựng	318		-	-
9.Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18	827.645.269	919.153.043
10.Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.19	2.440.775.416	2.677.117.898
12.Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II.Nợ dài hạn	330		3.187.346.835	3.093.285.071
1.Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.20	-	-
3.Phải trả dài hạn khác	333	V.21	3.035.000.000	3.035.000.000
4.Vay và nợ dài hạn	334	V.21	-	-
5.Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.23	152.346.835	58.285.071
6.Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.22	-	-
7.Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9.Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		255.418.492.011	258.289.313.422
I.Vốn chủ sở hữu	410	V.24	255.418.492.011	258.289.313.422
1.Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		126.358.400.000	126.358.400.000
2.Thặng dư vốn cổ phần	412		152.960.686.000	152.960.686.000
3.Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.287.760.139	1.287.760.139
4.Cổ phiếu quỹ	414		(62.529.155.207)	(62.529.155.207)
5.Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.Quỹ đầu tư phát triển	417		5.837.847.302	5.837.847.302
8.Quỹ dự phòng tài chính	418		11.472.883.445	11.472.883.445
9.Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.Lợi nhuận chưa phân phối	420		20.030.070.332	22.900.891.743
11.Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12.Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II.Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1.Nguồn kinh phí	432		-	-
2.Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		295.148.301.532	302.071.507.044

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24 KCN Trà Nóc, P.Trà Nóc, Q.Bình Thủy - Tp. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2014*Bảng cân đối kế toán***Mẫu số : B 01-DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và bổ sung TT số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng BTC)

CÁC CHỈ TIÊU
NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, h.hoá nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
- USD :		610.082,18	1.208.761,72
- EUR :		238,17	243,63
6. Dự toán chi hoạt động			

Tp. Cần Thơ, ngày 15 tháng 07 năm 2014

**Nguyễn Hoàng Anh**
Người lập biểu**Trần Thị Bé Năm**
Kế toán trưởng**Lương Hoàng Mạnh**
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24 KCN Trà Nóc, P.Trà Nóc, Q.Bình Thủy - Tp. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2014*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh***Mẫu số : B 01-DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và bổ sung TT số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng BTC)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
QUÝ 02 NĂM 2014***Đơn vị tính : VNĐ*

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	QUÝ 2		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.27	128.019.831.693	122.410.501.675	243.407.371.731	234.683.655.687
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.28	889.306.248	2.212.934.000	1.956.902.848	3.500.408.349
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		127.130.525.445	120.197.567.675	241.450.468.883	231.183.247.338
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.30	114.910.428.738	102.476.680.664	214.044.380.504	199.724.475.783
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		12.220.096.707	17.720.887.011	27.406.088.379	31.458.771.555
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.31	6.296.270.490	1.044.504.298	6.982.902.328	1.275.369.066
7. Chi phí tài chính	22	VI.32	1.040.415.548	504.961.635	1.206.990.131	751.098.058
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		27.595.397	152.031.986	190.386.725	228.963.519
8. Chi phí bán hàng	24		5.365.591.944	12.522.467.447	15.577.828.739	21.392.496.405
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.773.663.260	3.058.758.495	6.992.840.606	6.388.330.131
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		8.336.696.445	2.679.203.732	10.611.331.231	4.202.216.027
11. Thu nhập khác	31		36.523.455	111.858.729	215.227.514	153.539.419
12. Chi phí khác	32		14.303.299	430.054.636	14.303.299	430.054.636
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		22.220.156	(318.195.907)	200.924.215	(276.515.217)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		8.358.916.601	2.361.007.825	10.812.255.446	3.925.700.810
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.33	1.842.651.052	1.004.047.681	2.386.074.998	1.352.847.510
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.34	1.335.800.859	(357.359.807)	1.335.800.859	(357.359.807)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		5.180.464.690	1.714.319.951	7.090.379.589	2.930.213.107
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		521	198	714	339

Tp. Cần Thơ, ngày 15 tháng 07 năm 2014



Nguyễn Hoàng Anh
Người lập biểu



Trần Thị Bé Năm
Kế toán trưởng



Lương Hoàng Mạnh
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24 KCN Trà Nóc, P.Trà Nóc, Q.Bình Thủy - Tp. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2014*Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ***Mẫu số : B 01-DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và bổ sung TT số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)***QUÝ 02 NĂM 2014**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG K. DOANH:				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		10.812.255.446	3.925.700.810
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		3.747.629.081	4.101.378.603
- Các khoản dự phòng	03		(3.541.760.210)	341.587.200
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(609.387.340)	(674.775.734)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.785.354.057)	(372.777.893)
- Chi phí lãi vay	06		190.386.725	228.963.519
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		8.813.769.645	7.550.076.505
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.934.645.412	(9.255.377.411)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		12.282.279.852	(33.786.616.795)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		10.924.013.023	1.209.425.452
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		535.358.736	795.776.423
- Tiền lãi vay đã trả	13		(204.283.056)	(219.266.586)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2.913.383.923)	(2.375.224.794)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		50.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(269.880.000)	(6.049.891.592)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		33.152.519.689	(42.131.098.798)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(105.000.000)	(3.494.007.702)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(5.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.732.962.391	536.536.226
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.372.037.609)	(2.957.471.476)

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24 KCN Trà Nóc, P.Trà Nóc, Q.Bình Thủy - Tp. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2014*Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ***Mẫu số : B 01-DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và bổ sung TT số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng BTC)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		6.748.800.000	33.820.314.421
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(21.042.170.000)	(24.283.064.421)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9.935.242.150)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(24.228.612.150)	9.537.250.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		5.551.869.930	(35.551.320.274)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	54.686.997.644	42.872.361.640
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		388.279.533	419.786.716
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.1	60.627.147.107	7.740.828.082

Tp. Cần Thơ, ngày 15 tháng 07 năm 2014



Nguyễn Hoàng Anh
Người lập biểu



Trần Thị Bé Năm
Kế toán trưởng



Lương Hoàng Mạnh
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24 KCN Trà Nóc, P.Trà Nóc, Q.Bình Thủy - Tp. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 02 NĂM 2014

I ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1 Hình thức sở hữu vốn:** Công ty cổ phần
- 2 Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất - chế biến
- 3 Ngành nghề kinh doanh:**

Thu mua, gia công, chế biến, xuất nhập thủy sản, gạo và các loại nông sản. Nhập khẩu vật tư hàng hóa, máy móc thiết bị và tư liệu sản xuất phục vụ nông nghiệp nuôi trồng và chế biến thủy hải sản. Nuôi trồng thủy sản, sản xuất thức ăn gia súc, thức ăn thủy sản, sản xuất con giống phục vụ nuôi trồng thủy sản. Nhập khẩu thức ăn gia súc, thức ăn thủy sản. Nhập khẩu kinh doanh phân bón, sắt thép các loại. Đầu tư tài chính, kinh doanh địa ốc, bất động sản và văn phòng cho thuê. Du lịch lữ hành nội địa, kinh doanh nhà hàng.

II NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1 Năm tài chính:**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

III CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1 Chế độ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
- 2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.
- 3 Hình thức kế toán áp dụng:** Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính** Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.
- 2 Tiền và tương đương tiền**
 - Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.
- 3 Hàng tồn kho**
 - Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
 - Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.
 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.
- 4 Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**
Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24 KCN Trà Nóc, P.Trà Nóc, Q.Bình Thủy - Tp. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

5 Tài sản cố định hữu hình

- Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

- Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

- Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 10 năm
Máy móc và thiết bị	05 – 06 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm

6 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

7 Chi phí đi vay

- Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

- Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8 Đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

- Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

- Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9 Chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn

- Chi phí trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

- Việc trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ được căn cứ vào kế hoạch chi phí sửa chữa lớn TSCĐ. Nếu chi phí sửa chữa lớn TSCĐ thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí hoặc phân bổ dần vào chi phí trong thời gian tối đa là 03 năm. Nếu chi phí sửa chữa lớn thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24 KCN Trà Nóc, P.Trà Nóc, Q.Bình Thủy - Tp. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

10 Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3 % quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

11 Các khoản dự phòng phải trả

- Một khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện xảy ra và có khả năng làm giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán khoản nợ đó đồng thời nghĩa vụ nợ phải trả được ước tính một cách đáng tin cậy. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ. Tỷ lệ chiết khấu được sử dụng là tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh rõ những ước tính trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.
- Các khoản dự phòng phải trả được xem xét và điều chỉnh lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

12 Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

13 Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

14 Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

15 Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

16 Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

- Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

17 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.
- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

18 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24 KCN Trà Nóc, P.Trà Nóc, Q.Bình Thủy - Tp. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2014*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính***V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1 Tiền:**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt:	8.289.786	2.963.229
- Tiền gửi ngân hàng:	16.618.857.321	27.684.034.415
- Tiền đang chuyển:	-	-
- Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có KH):	44.000.000.000	27.000.000.000
Cộng:	60.627.147.107	54.686.997.644

2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn:		9.135.226.000		9.135.226.000
<i>Cổ phiếu Cty CP Thủy Sản Cửu Long</i>	<i>213.492</i>	<i>4.134.920.000</i>	<i>213.492</i>	<i>4.134.920.000</i>
<i>Cổ phiếu Cty cổ phần Nông Sản Bắc Ninh</i>	<i>18</i>	<i>306.000</i>	<i>18</i>	<i>306.000</i>
<i>Tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng</i>		<i>5.000.000.000</i>		<i>5.000.000.000</i>
- Đầu tư ngắn hạn khác:	-	-	-	-
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn:	-	(956.991.964)	-	(2.021.349.200)
Cộng:		8.178.234.036		7.113.876.800

3 Các khoản phải thu ngắn hạn khác:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phải thu về cổ phần hóa:	-	-
- phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia:	-	-
- Phải thu người lao động:	-	-
- Phải thu khác:	17.077.270.497	19.082.661.851
- Tài sản ngắn hạn khác (<i>Tạm ứng</i>):	12.380.834.000	12.513.402.000
- Dự phòng các khoản phải thu khó đòi:	-	-
Cộng:	29.458.104.497	31.596.063.851

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24 KCN Trà Nóc, P.Trà Nóc, Q.Bình Thủy - Tp. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

4 Hàng tồn kho:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Hàng mua đang đi trên đường :	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu :	2.188.984.459	1.651.775.217
- Công cụ dụng cụ :	1.047.392.123	704.805.147
- Chi phí SXKD dở dang :	25.641.786.232	48.480.710.933
- Thành phẩm :	52.171.167.387	42.494.318.756
- Hàng hóa :	-	-
- Hàng gửi đi bán:	-	-
- Hàng hóa kho bảo thuế:	-	-
- Hàng hóa bất động sản:	-	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho :	81.049.330.201	93.331.610.053

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:	-	-
- Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho:	-	-
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ:	-	-
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp cho các khoản nợ:	-	-

5 Thuế và Các khoản thuế phải thu Nhà nước:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ :	2.857.408.007	2.414.134.996
- Các khoản thuế nộp thừa cho Nhà Nước :	-	12.918.773
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp:	-	-
+ Thuế GTGT, Tài nguyên, XNK :	-	12.918.773
+ Phí, lệ phí & các khoản phải nộp khác:	-	-
Cộng :	2.857.408.007	2.427.053.769

6 Phải thu dài hạn nội bộ:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phải thu dài hạn nội bộ:		
- Phải thu dài hạn nội bộ khác:		
Cộng:		

7 Phải thu dài hạn khác:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Kỳ quỹ, kỳ cược dài hạn:	-	-
- Các khoản tiền nhận ủy thác:	-	-
- Cho vay không có lãi:	-	-
- Phải thu dài hạn khác:	-	-
Cộng:	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24 KCN Trà Nóc, P.Trà Nóc, Q.Bình Thủy - Tp. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2014*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính***8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị ĐCQL	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ TSCĐ					
Số dư đầu kỳ:	19.318.502.823	54.410.755.795	4.797.469.454	337.702.083	78.864.430.155
- Mua sắm trong kỳ:	-	-	-	-	-
- XDCB hoàn thành:	1.024.003.593	-	-	-	1.024.003.593
- Chuyển sang BĐS đầu tư:	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán:	81.875.400	1.168.370.549	-	79.368.133	1.329.614.082
- Giảm khác:	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ:	20.260.631.016	53.242.385.246	4.797.469.454	258.333.950	78.558.819.666
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu kỳ:	11.814.771.039	40.620.499.694	1.616.434.772	278.263.147	54.329.968.652
- Khấu hao trong kỳ:	360.184.971	1.231.695.064	119.936.733	12.377.618	1.724.194.386
- Chuyển sang BĐS đầu tư:	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán:	81.875.400	1.168.370.549	-	79.368.133	1.329.614.082
- Giảm khác:	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ:	12.093.080.610	40.683.824.209	1.736.371.505	211.272.632	54.724.548.956
GIÁ TRỊ CÒN LẠI TSCĐ					
- Tại ngày đầu kỳ:	7.503.731.784	13.790.256.101	3.181.034.682	59.438.936	24.534.461.503
- Tại ngày cuối kỳ:	8.167.550.406	12.558.561.037	3.061.097.949	47.061.318	23.834.270.710

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay;
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng;
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý;
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai;
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình;

9 Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính:

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị ĐCQL	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ TSCĐ					
Số dư đầu kỳ:	-	-	-	-	-
- Thuê tài chính trong kỳ:	-	-	-	-	-
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính:	-	-	-	-	-
- Tăng khác:	-	-	-	-	-
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-	-
- Giảm khác:	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ:	-	-	-	-	-
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư đầu kỳ:	-	-	-	-	-
- Khấu hao trong kỳ:	-	-	-	-	-
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính:	-	-	-	-	-
- Tăng khác:	-	-	-	-	-
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-	-
- Giảm khác:	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ:	-	-	-	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
- Tại ngày đầu kỳ:	-	-	-	-	-
- Tại ngày cuối kỳ:	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24 KCN Trà Nóc, P.Trà Nóc, Q.Bình Thủy - Tp. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2014*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính***10 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:**

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Quyền phát hành	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
HÌNH					
Số dư đầu kỳ:	27.837.973.495	-	-	-	27.837.973.495
- Mua trong kỳ:	-	-	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ D.Nghiệp:	-	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất k.doanh:	-	-	-	-	-
- Tăng khác:	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán:	-	-	-	-	-
- Giảm khác:	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ:	27.837.973.495	-	-	-	27.837.973.495
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu kỳ:	2.935.812.112	-	-	-	2.935.812.112
- Khấu hao trong kỳ:	158.940.366	-	-	-	158.940.366
- Tăng khác:	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán:	-	-	-	-	-
- Giảm khác:	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ:	3.094.752.478	-	-	-	3.094.752.478
GIÁ TRỊ CÒN LẠI TSCĐ VH					
- Tại ngày đầu kỳ:	24.902.161.383	-	-	-	24.902.161.383
- Tại ngày cuối kỳ:	24.743.221.017	-	-	-	24.743.221.017

11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tổng số chi phí XD CB dở dang:	-	1.024.003.593
<i>Trong đó: (những công trình lớn):</i>		
+ Công trình		
+ Công trình		

12 Tăng, giảm bất động sản đầu tư:

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Nguyên giá BDS đầu tư	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất:				
- Nhà:				
- Nhà và Quyền sử dụng đất:				
- Cơ sở hạ tầng:				
Giá trị hao mòn	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất:				
- Nhà:				
- Nhà và Quyền sử dụng đất:				
- Cơ sở hạ tầng:				
Giá trị còn lại	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất:				
- Nhà:				
- Nhà và Quyền sử dụng đất:				
- Cơ sở hạ tầng:				

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24 KCN Trà Nóc, P.Trà Nóc, Q.Bình Thủy - Tp. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2014*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính***13 Đầu tư dài hạn khác:**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Đầu tư vào công ty liên kết	-	10.688.386.500	-	10.688.386.500
- Đầu tư cổ phiếu:	-	2.500.000.000	-	2.500.000.000
- Cổ phiếu Cty CP Thủy Sản Cửu Long	-	-	-	-
+ Cổ phiếu Cty CP Tập đoàn Đầu tư IPA	50.000	2.500.000.000	50.000	2.500.000.000
- Đầu tư trái phiếu:	-	-	-	-
- Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu:	-	-	-	-
- Cho vay dài hạn:	-	-	-	-
- Đầu tư dài hạn khác	-	-	-	-
- Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn:		-		(2.477.402.974)
Cộng:		2.500.000.000		22.597.026

14 Chi phí trả trước dài hạn:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ:	2.092.201.104	2.627.559.840
- Chi phí thành lập doanh nghiệp:	-	-
- Chi phí nghiên cứu có giá trị lớn:	-	-
- Chi phí cho giai đoạn triển khai không đủ tiêu chuẩn ghi nhận hình thành TSCĐ vô hình:	-	-
Cộng:	2.092.201.104	2.627.559.840

15 Vay và nợ ngắn hạn:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vay ngắn hạn:	-	14.293.370.000
- Vay dài hạn đến hạn trả:	-	-
	-	-
Cộng:	-	14.293.370.000

16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng	-	-
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	-	-
- Thuế Xuất, nhập khẩu	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.842.651.052	2.369.959.977
- Thuế thu nhập cá nhân	10.310.314	9.534.205
- Thuế tài nguyên	1.079.250	1.764.000
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-
- Các loại thuế khác	-	-
Cộng:	1.854.040.616	2.381.258.182

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24 KCN Trà Nóc, P.Trà Nóc, Q.Bình Thủy - Tp. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2014*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính***17 Chi phí phải trả:**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép	-	-
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	-	-
- Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh	-	-
- Chi phí phải trả khác	956.738.610	5.822.782.685
Cộng:	956.738.610	5.822.782.685

18 Các khoản phải trả, phải nộp khác:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
- Kinh phí công đoàn	825.705.319	917.671.943
- Bảo hiểm xã hội	-	-
- Bảo hiểm y tế	-	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
- Phải trả về cổ phần hóa	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
- Doanh thu chưa thực hiện	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.939.950	1.481.100
Cộng:	827.645.269	919.153.043

19 Quỹ khen thưởng, phúc lợi:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Quỹ khen thưởng	575.152.429	717.132.429
- Quỹ phúc lợi	816.561.020	868.961.020
- Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	1.049.061.967	1.091.024.449
Cộng:	2.440.775.416	2.677.117.898

20 Phải trả dài hạn nội bộ:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vay dài hạn nội bộ	-	-
- Phải trả dài hạn nội bộ	-	-
Cộng:	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24 KCN Trà Nóc, P.Trà Nóc, Q.Bình Thủy - Tp. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2014*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính***21 Vay và nợ dài hạn:**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Vay dài hạn:	-	-
- Vay ngân hàng	-	-
- Vay đối tượng khác	-	-
- Trái phiếu phát hành	-	-
b. Nợ dài hạn:	3.035.000.000	3.035.000.000
- Thuế tài chính	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.035.000.000	3.035.000.000
- Nợ dài hạn khác	-	-
Cộng:	3.035.000.000	3.035.000.000

22 Dự phòng trợ cấp mất việc làm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-
Cộng:	-	-

23 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	210.482.494	1.452.221.589
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.	210.482.494	1.452.221.589
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng.	-	-
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng.	-	-
- Khoản hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại.	-	-
b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	152.346.835	58.285.071
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.	-	-
- Khoản hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước.	-	-
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	152.346.835	58.285.071

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24 KCN Trà Nóc, P.Trà Nóc, Q.Bình Thủy - Tp. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

24 Vốn chủ sở hữu:

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của CSH	Cổ phiếu quỹ	LN chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khen thưởng, P.lợi	Nguồn vốn đầu tư XDCB	CỘNG
Số dư đầu kỳ	126.358.400.000	152.960.686.000	1.287.760.139	(62.529.155.207)	24.785.306.642	5.837.847.302	11.472.883.445	2.620.436.657	-	262.794.164.978
- Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	8.358.916.601	-	-	-	-	8.358.916.601
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	22.300.000	-	22.300.000
- Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	13.114.152.911	-	-	201.961.241	-	13.316.114.152
Số dư cuối kỳ	126.358.400.000	152.960.686.000	1.287.760.139	(62.529.155.207)	20.030.070.332	5.837.847.302	11.472.883.445	2.440.775.416	-	257.859.267.427

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24 KCN Trà Nóc, P.Trà Nóc, Q.Bình Thủy - Tp. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu :

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vốn góp của Nhà nước	-	-
- Vốn góp của cổ đông	126.358.400.000	126.358.400.000
- Thặng dư vốn cổ phần	152.960.686.000	152.960.686.000
- Vốn khác của chủ sở hữu	1.287.760.139	1.287.760.139
- Cổ phiếu quỹ	(62.529.155.207)	(62.529.155.207)
Cộng:	218.077.690.932	218.077.690.932

* Giá trị trái phiếu đã được chuyển thành cổ phiếu trong năm: - cổ phiếu

* Số lượng cổ phiếu quỹ: 2.700.139 cổ phiếu

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận :

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
+ Vốn góp đầu năm:	126.358.400.000	126.358.400.000
+ Vốn góp tăng trong năm:	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm:	-	-
+ Vốn góp cuối năm:	126.358.400.000	126.358.400.000

d. Cổ tức :

- Cổ tức đã chi trả trong kỳ:

Trả cổ tức năm 2013 bằng tiền mặt với tỷ lệ 10%/cổ phiếu 9.935.701.000đ

d. Cổ phiếu :

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu được phép phát hành:	12.635.840	12.635.840
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng:	12.635.840	12.635.840
+ Cổ phiếu thường:	12.635.840	12.635.840
+ Cổ phiếu ưu đãi:	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại:	2.700.139	2.700.139
+ Cổ phiếu thường:	2.700.139	2.700.139
+ Cổ phiếu ưu đãi:	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành :	9.935.701	9.935.701
+ Cổ phiếu thường:	9.935.701	9.935.701
+ Cổ phiếu ưu đãi:	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :	10.000đ/CP	10.000đ/CP

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24 KCN Trà Nóc, P.Trà Nóc, Q.Bình Thủy - Tp. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

e. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu :

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	5.837.847.302	5.837.847.302
- Quỹ dự phòng tài chính	11.472.883.445	11.472.883.445
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

*** Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:**

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:
 - + Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
 - + Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

i. Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được hạch toán trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán khác :

-
-
-

25 Nguồn kinh phí:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Nguồn kinh phí được cấp trong năm	-	-
- Chi sự nghiệp	-	-
- Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	-	-

26 Tài sản thuê ngoài:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
(1)- Giá trị tài sản thuê ngoài:	-	-
- TSCĐ thuê ngoài:	-	-
- Tài sản khác thuê ngoài:	-	-
(2)- Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của Hợp đồng thuê hoạt động TSCĐ không hủy ngang theo các thời hạn:	-	-
- Từ 01 năm trở xuống:	-	-
- Trên 01 năm đến 05 năm:	-	-
- Trên 05 năm:	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24 KCN Trà Nóc, P.Trà Nóc, Q.Bình Thủy - Tp. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2014*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính***VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Quý 2 Năm nay	Quý 2 Năm trước
27 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01):	128.019.831.693	122.410.501.675
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu bán hàng	127.982.713.511	122.333.388.039
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	37.118.182	77.113.636
- Doanh thu hợp đồng xây dựng (đối với DN có hoạt động xây lắp)	-	-
+ Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ	-	-
+ Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập BCTC	-	-
28 Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02):	889.306.248	2.212.934.000
<i>Trong đó:</i>		
- Chiết khấu thương mại:	-	-
- Giảm giá hàng bán:	27.417.000	339.770.000
- Hàng bán bị trả lại:	861.889.248	1.873.164.000
- Thuế GTGT phải nộp (phương pháp trực tiếp)	-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt:	-	-
- Thuế xuất khẩu:	-	-
29 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10):	127.130.525.445	120.197.567.675
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	127.093.407.263	120.120.454.039
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	37.118.182	77.113.636
30 Giá vốn hàng bán (Mã số 11):		
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	-
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	114.910.428.738	102.476.680.664
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	-
- Giá trị còn lại, chi phí nhượng bán, thanh lý của BĐS đầu tư đã bán.	-	-
- Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	-	-
- Hao hụt, mất mát hàng tồn kho	-	-
- Các khoản chi phí vượt mức bình thường	-	-
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng:	114.910.428.738	102.476.680.664
31 Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21):		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay:	1.126.083.270	94.203.976
- Lãi đầu tư cổ phiếu, trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu:	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia:	-	-
- Lãi bán ngoại tệ:	-	20.900
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện:	626.603	175.350.438
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện:	609.387.340	674.775.734
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính:	4.541.760.210	-
- Doanh thu hoạt tài chính khác:	18.413.067	100.153.250
Cộng :	6.296.270.490	1.044.504.298

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24 KCN Trà Nóc, P.Trà Nóc, Q.Bình Thủy - Tp. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2014*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính*

		Quý 2 Năm nay	Quý 2 Năm trước
32	<u>Chi phí tài chính (Mã số 22):</u>		
	- Lãi tiền vay:	27.595.397	152.031.986
	- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm:	-	-
	- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn:	-	-
	- Thủ tục phí bán chứng khoán:	-	-
	- Lỗ bán ngoại tệ:	-	-
	- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện:	12.820.151	11.342.449
	- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện:	-	-
	- Dự phòng giảm giá các khoản đ.tư ngắn hạn, dài hạn:	1.000.000.000	341.587.200
	- Chi phí tài chính khác:	-	-
	Cộng :	1.040.415.548	504.961.635
33	<u>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51):</u>		
	- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành:	1.842.651.052	1.004.047.681
	- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay:	-	-
	- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:	1.842.651.052	1.004.047.681
34	<u>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Mã số 52):</u>		
	- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế:	94.061.764	117.459.325
	- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại:	-	-
	- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ:	-	(474.819.132)
	- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng:	1.241.739.095	-
	- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả:	-	-
	- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:	1.335.800.859	(357.359.807)
35	<u>Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố:</u>		
	- Chi phí nguyên liệu, vật liệu:	112.646.372.484	111.054.767.001
	- Chi phí nhân công:	13.841.510.211	10.669.475.897
	- Chi phí khấu hao tài sản cố định:	1.862.153.511	2.303.733.099
	- Chi phí dịch vụ mua ngoài:	5.450.594.340	13.250.479.950
	- Chi phí khác bằng tiền:	7.177.246.653	6.487.336.625
	Cộng :	140.977.877.199	143.765.792.572

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24 KCN Trà Nóc, P.Trà Nóc, Q.Bình Thủy - Tp. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

VII THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

36 Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng:

	Quý 2 Năm nay	Quý 2 Năm trước
a Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính:	-	-
- Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu:	-	-
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu:	-	-
b Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo:	-	-
- Tổng giá trị mua hoặc thanh lý:	-	-
- Phần giá trị mua hoặc thanh lý được thanh toán bằng tiền và các khoản tương đương tiền:	-	-
- Số tiền và các khoản tương đương tiền thực có trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý:	-	-
- Phần giá trị tài sản (tổng hợp theo từng loại tài sản) và nợ phải trả không phải là tiền và các khoản tương đương tiền trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý trong kỳ:	-	-
c Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện:	-	-

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán:

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 06 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

2 Giao dịch với các bên liên quan:

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Quý 2 Năm nay	Quý 2 Năm trước
Tiền lương	274.794.608	249.713.242
Phụ cấp	87.000.000	87.000.000
Cộng:	361.794.608	336.713.242

3 Báo cáo bộ phận:

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Hoạt động thủy sản.
- Hoạt động khác bao gồm: bán vật tư, dịch vụ cho thuê.

Khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh gồm xuất khẩu và nội địa.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24 KCN Trà Nóc, P.Trà Nóc, Q.Bình Thủy - Tp. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2014*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính***Kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:**

QUÝ 2 NĂM NAY	Thủy sản	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	127.093.407.263	37.118.182	-	127.130.525.445
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	127.093.407.263	37.118.182	-	127.130.525.445
Chi phí bộ phận	124.049.683.942	-	-	124.049.683.942
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	3.043.723.321	37.118.182	-	3.080.841.503
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				3.080.841.503
Doanh thu hoạt động tài chính				6.296.270.490
Chi phí tài chính				(1.040.415.548)
Thu nhập khác				36.523.455
Chi phí khác				(14.303.299)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(1.842.651.052)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(1.335.800.859)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				5.180.464.690
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	-
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.129.832.879	-	-	2.129.832.879
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-

QUÝ 2 NĂM TRƯỚC	Thủy sản	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	120.120.454.039	77.113.636	-	120.197.567.675
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	120.120.454.039	77.113.636	-	120.197.567.675
Chi phí bộ phận	118.057.906.606	-	-	118.057.906.606
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.062.547.433	77.113.636	-	2.139.661.069
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				2.139.661.069
Doanh thu hoạt động tài chính				1.044.504.298

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24 KCN Trà Nóc, P.Trà Nóc, Q.Bình Thủy - Tp. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Chi phí tài chính				(504.961.635)
Thu nhập khác				111.858.729
Chi phí khác				(430.054.636)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(1.004.047.681)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				357.359.807
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				1.714.319.951
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	1.218.133.275	-	-	1.218.133.275
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.310.994.780	-	-	2.310.994.780
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-

Tài sản và nợ phải bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản trực tiếp của bộ phận	273.781.680.996	284.246.646.718
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	21.366.620.536	17.824.860.326
Tổng tài sản	295.148.301.532	302.071.507.044
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	39.729.809.521	43.782.193.622
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-
Tổng nợ phải trả	39.729.809.521	43.782.193.622

4 Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính:

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	60.627.147.107	54.686.997.644	60.627.147.107	54.686.997.644
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	10.678.234.036	7.136.473.826	10.678.234.036	7.136.473.826
Phải thu khách hàng	48.860.831.861	45.852.522.554	48.860.831.861	45.852.522.554
Các khoản phải thu khác	17.077.270.497	19.082.661.851	17.077.270.497	19.082.661.851
Cộng	137.243.483.501	126.758.655.875	137.243.483.501	126.758.655.875
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	19.356.644.999	4.676.918.368	19.356.644.999	4.676.918.368
Vay và nợ	-	14.293.370.000	-	14.293.370.000
Các khoản phải trả khác	14.135.598.073	15.864.286.751	14.135.598.073	15.864.286.751
Cộng	33.492.243.072	34.834.575.119	33.492.243.072	34.834.575.119

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24 KCN Trà Nóc, P.Trà Nóc, Q.Bình Thủy - Tp. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

– Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

5 Rủi ro tín dụng:

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6 Rủi ro thanh khoản:

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một dự trữ tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24 KCN Trà Nóc, P.Trà Nóc, Q.Bình Thủy - Tp. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả cho người bán	19.356.644.999	-	-	19.356.644.999
Vay và nợ	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	11.100.598.073	3.035.000.000	-	14.135.598.073
Cộng	30.457.243.072	3.035.000.000	-	33.492.243.072
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	4.676.918.368	-	-	4.676.918.368
Vay và nợ	14.293.370.000	-	-	14.293.370.000
Các khoản phải trả khác	12.829.286.751	3.035.000.000	-	15.864.286.751
Cộng	31.799.575.119	3.035.000.000	-	34.834.575.119

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7 Rủi ro thị trường:

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường đối với Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, độ nhạy của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD như sau:

	Thay đổi tỷ giá USD (%)	Quý 2 năm nay	Quý 2 năm trước
Ảnh hưởng đến LNST/Vốn CSH	+ 2%	937.609.676	785.745.995
Ảnh hưởng đến LNST/Vốn CSH	- 2%	(937.609.676)	(785.745.995)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24 KCN Trà Nóc, P.Trà Nóc, Q.Bình Thủy - Tp. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty: 5.678.234.036 đ

Nếu giá cả các cổ phiếu này tăng/giảm 10% thì lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ giảm/tăng khoảng: 442.902.255 đ

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty: 2.136.473.826 đ

Nếu giá cả các cổ phiếu này tăng/giảm 10% thì lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ giảm/tăng khoảng: 166.644.958 đ

Tp. Cần Thơ, ngày 15 tháng 07 năm 2014



Nguyễn Hoàng Anh
Người lập biểu



Trần Thị Bé Năm
Kế toán trưởng



Lương Hoàng Mạnh
Giám đốc